

Bản án số: 101/2021/HS-PT
Ngày: 25/01/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Trần Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 87/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Trương Thị Mỹ D cùng 06 bị cáo khác về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Thị Mỹ D (Tên gọi khác: bé L), sinh ngày 28/3/1987 tại Bình Định. Nơi đăng ký HKTT: thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: thành phố P, Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không; con ông Trương Huy V (chết) và bà Hồ Thị T, sinh năm 1958; có Chồng là Trần Nhân T, sinh năm 1988 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 cho đến nay. Vắng mặt.

2. Trương Văn T, sinh ngày 20/4/1985 tại Quảng Bình; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947; có Vợ là Phạm Thị D, sinh năm 1991 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

3. Võ Linh V, sinh ngày 19/12/1991 tại P, Gia Lai; nơi đăng ký NKTT: thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Duy T, sinh năm 1963, và bà Nguyễn Thị Ni L, sinh năm 1965; có Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1996

và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

4. Lê Diệp Phú T1, sinh ngày 02/12/1985 tại P, Gia Lai; nơi đăng ký NKTT: tỉnh Gia Lai; chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1952 và bà Diệp Thục K, sinh năm 195; chưa có Vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 cho đến nay. Có mặt

5. Lê Thế H, sinh ngày 27/7/1994 tại Hưng Yên; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế Q, sinh năm 1972 và bà Trần Thị L, sinh năm 1974; có Vợ là Trương Thị Thương H, sinh năm 1995 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/9/1993 tại, Gia Lai; nơi đăng ký NKTT: huyện M; chỗ ở: tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; có Vợ là Trần Thị Thu H, sinh năm 1994 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2020 cho đến nay. Có mặt.

7. Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 28/12/1968 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H, sinh năm 1935 và bà Đoàn Thị Y, sinh năm 1936; có Chồng là Trần H, sinh năm 1962 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 20 ngày 31/12/2019, qua nguồn tin báo của quần chúng nhân dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã phát hiện, bắt quả tang Lê Diệp Phú T1 điều khiển xe ô tô bán tải hiệu Ford Ranger BKS: 81C-121.07 chở theo Võ Linh V (ngồi ghế phụ) đang lưu thông trên đường L, thuộc tổ 3, phường T, thành phố P có chở thuốc lá điều nhập lậu. Quá trình bắt quả tang thu giữ:

- 01 Chứng minh nhân dân số 230651057 mang tên Lê Diệp Phú T1.
- 01 chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe 81B1-327.75 mang tên Võ Linh V.
- 01 bộ giấy tờ của xe ô tô BKS 81C-121.07: giấy chứng nhận kiểm định số 88.34580; Bảo hiểm số 0134383, bảo hiểm số 0134382; 01 bản sao chứng thực đăng ký xe ô tô BKS 81C-121.07 mang tên chủ xe là Trương Thị Mỹ D.

- 01 xe ô tô bán tải hiệu Ford Ranger XLS, số máy: P4AT2359080, số khung: F80HW671590.

- 09 thùng thuốc lá hiệu Hero (tổng cộng 4.420 bao); 10 thùng thuốc lá hiệu Esse (tổng cộng 5.000 bao).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của Võ Linh V; 01 điện thoại Nokia màu đen, đã cũ của Lê Diệp Phú T1

- 01 cuốn vở học sinh ô ly có ghi thông tin liên quan đến việc giao nhận thuốc lá, đã được đánh số từ 1-21, có chữ ký của Võ Linh V.

Cùng thời điểm này, Cơ quan CSĐT tiếp tục phát hiện, bắt quả tang Trương Văn T điều khiển xe ô tô bán tải hiệu Mazda BT50 BKS: 81C-160.53 chở theo Lê Thế H (ngồi ghế phụ) đi từ hướng bệnh viện tỉnh Gia Lai về kho hàng của công ty TNHH MTV Bảo H thuộc lô H6, khu công nghiệp Trà Đa, thôn 4, xã Trà Đa, thành phố P, Gia Lai. Cơ quan CSĐT đã thu giữ:

- 20.000 bao thuốc lá hiệu Jet; 1.000 bao thuốc lá hiệu Gold

- 02 điện thoại di động OPPO; 02 điện thoại NOKIA.

- 06 cuốn sổ, có chữ ký xác nhận của Trương Văn T ở từng trang.

- 01 xe ô tô Mazda BT-50 BKS: 81C-160.53

- 01 Chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng tên Lê Thế H; 01 giấy chứng nhận, 01 bảo hiểm xe máy BKS 81V1-190.81; 01 Chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Văn T.

- 04 tờ tiền mệnh giá 100USD; 01 tờ tiền mệnh giá 50USD; 2.800.000đ.

Sau đó, Cơ quan CSĐT tiếp tục tiến hành khám xét kho của công ty TNHH MTV Bảo H thu giữ được:

- 10.000 bao thuốc lá hiệu Jet; 2.500 bao thuốc lá hiệu ESSE light; 1.000 bao thuốc lá hiệu ESSE change; 1.500 bao thuốc lá hiệu ESSE classic; 1.000 bao thuốc lá hiệu ESSE special gold; 500 bao thuốc lá hiệu CAPRI; 1.000 bao thuốc lá hiệu RICH MOND; 500 bao thuốc lá hiệu CARAVEN; 1.000 bao thuốc lá hiệu HERO; 2.000 bao thuốc lá hiệu SCOTT.

Qua đấu tranh ban đầu, Trương Văn T và Lê Thế H khai số thuốc lá này là của Trương Thị Mỹ D, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nhà của D tại số 159 Duy Tân, thành phố P. Qua khám xét đã thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ; 01 máy tính xách tay hiệu TOSHIBA;

- 01 sổ hộ khẩu tên chủ hộ Hồ Pháp (bản sao); 01 giấy đăng ký kết hôn (bản photocopy).

- 18 cuốn sổ bên trong có chữ viết liên quan đến việc mua bán thuốc lá được đánh số trang từ 1 đến hết; 05 tờ giấy trong có chữ viết liên quan đến việc mua bán thuốc lá được đánh số trang từ 1 đến 5.

- 2.530 gói thuốc lá hiệu blend no.555 gold; 6.250 gói thuốc lá hiệu Jet; 1.690 gói thuốc lá hiệu HERO; 1970 gói thuốc lá hiệu ESSE menthol; 1630 gói thuốc lá hiệu ESSE light; 1870 gói thuốc lá hiệu ESSE specail gold; 2500 gói thuốc lá hiệu ESSE classic; 1000 gói thuốc lá hiệu ESSE change; 60 gói thuốc lá hiệu ORISS; 30 gói thuốc lá hiệu ZEST; 100 gói thuốc lá hiệu CARAVEN.

- Số tiền 10.500.000đ; 1.700 USD

Qua lời khai của Trương Thị Mỹ D, Lê Diệp Phú T1 và Võ Linh V thì theo chỉ đạo của D, trên đường đi từ Đ về P, T1 và V đi ngang qua huyện Chư Prông có bốc xuống 12 thùng thuốc lá cho bà Lê Thị Mỹ H. Cơ quan CSĐT đã tiến hành bắt quả tang tại nhà bà Lê Thị Mỹ H ở thôn 2, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông. Thu giữ:

- 600 cây thuốc lá nhãn hiệu Jet (mỗi cây 10 bao thuốc lá điếu), tổng cộng là 6000 bao thuốc lá điếu.

- 01 điện thoại di động hiệu SYMPHONY.

Ngày 14/01/2020 Nguyễn Văn L đến CQ CSĐT Công an tỉnh Gia Lai đầu thú khai nhận về hành vi mua bán thuốc lá có liên quan đến Trương Thị Mỹ D và đồng phạm. CQĐT đã thu giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L.

Tại Kết luận giám định số 18/C09C(Đ4) ngày 09/01/2020 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận toàn bộ số thuốc lá đã thu giữ là thuốc lá điếu, được sản xuất tại nước ngoài.

Tại Kết luận giám định số 272/KLGD ngày 24/4/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận chữ viết trong các cuốn sổ, giấy tờ đã thu giữ là chữ viết của Trương Thị Mỹ D, Trương Văn T, Lê Diệp Phú T1 và Võ Linh V.

Qua điều tra các bị can khai nhận như sau:

Toàn bộ số thuốc lá trên đã thu giữ là của Trương Thị Mỹ D. D mua từ một đối tượng tên H1, người Campuchia (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Số thuốc lá này được H1 vận chuyển từ Campuchia qua đường mòn biên giới (đường tiểu ngạch) Việt Nam – Campuchia, khi đến địa phận xã I, huyện Đ thì D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L dẫn nhóm người của H1 chở thuốc lá đến điểm tập kết tại vườn điều thuộc thôn Đức Hưng, xã Ia Nan, huyện Đ. Khi đến nơi, Trương Văn T, Lê Thế H, Lê Diệp Phú T1 và Võ Linh V sẽ vận chuyển số thuốc lá này về nhà của D tại 159 Duy Tân, thành phố P, hoặc đến kho của công ty TNHH MTV Bảo H cất giấu. Trong quá trình chở thuốc lá về cất giấu thì Lê Thị Mỹ H nhắn tin cho D hỏi mua 12 thùng thuốc lá Jet, với giá 16.300đ/1 bao thuốc. D đồng ý và nói T1 chở 6.000 bao thuốc lá đến cho H. H mua số thuốc lá này về để bán lại kiếm lời, khi H đang cất giấu tại nhà thì bị bắt quả tang.

Trương Thị Mỹ D khai nhận, D bắt đầu mua thuốc lá từ Campuchia về Việt Nam để bán vào khoảng giữa tháng 1/2019 đến nay. Mục đích D mua thuốc lá về để bán lại kiếm lời, D hưởng lợi khoảng 50.000đ/1 thùng thuốc lá.

Trong khoảng thời gian tháng 11/2019 D đã thuê T và V, đầu tháng 12/2019 thì thuê L, đến gần cuối tháng 12/2019 thì thuê T1 và H để vận chuyển thuốc lá thuê cho D, nếu ai mua thì T, H, T1 và V sẽ đi giao thuốc lá hoặc bốc thuốc lá tại kho Bảo H chờ người mua đến lấy. D giao xe ô tô bán tải ForRanger BKS: 81C121.07 cho T1 và V, giao xe bán tải Mazda BT50 BKS: 81C-160.53 cho T và H quản lý sử dụng để chở thuốc lá. Còn L có nhiệm vụ dẫn đường cho đối tượng chở thuốc lá từ Campuchia qua biên giới đến điểm tập kết cho T, H, T1 và V chở về cất giấu.

D trả tiền công khoảng từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng, tiền ăn là 80.000đ/ngày (T và V đã nhận được tiền công 10.000.000đ; L đã nhận được tiền công 7.000.000đ, còn T1 và H mới vận chuyển được vài ngày nên chưa nhận tiền thì bị bắt).

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58//2020/HS-ST ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, quyết định:

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Mỹ D, Trương Văn T, Nguyễn Văn L, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H, Lê Thị Mỹ H phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Thị Mỹ D 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2020

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

Xử phạt bị cáo Võ Linh V 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

Xử phạt bị cáo Lê Diệp Phú T1 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

Xử phạt bị cáo Lê Thế H 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ H 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

2. Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự:

Phạt bị cáo Trương Thị Mỹ D phải nộp số tiền phạt bổ sung là 60.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/9/2020, các bị cáo Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H, Trương Văn T, Nguyễn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/10/2020, bị cáo Trương Thị Mỹ D, Lê Thị Mỹ H kháng cáo cho rằng mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là quá cao, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại để các bị cáo sớm trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, bị cáo Trương Thị Mỹ D có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do cũng giống với lý do xin hoãn phiên tòa vào ngày 23/12/2020, ngoài ra không có lý do nào khác. Đây không phải là căn cứ hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trương Thị Mỹ D vắng mặt, nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận được văn bản số 14/TB-TTG ngày 25/01/2021 của Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, với nội dung: “Vào lúc 10h 15 phút ngày 25 tháng 01 năm 2021 bị cáo kêu đau đầu nhiều, đứng lên ngồi xuống hoa mắt, chóng mặt, buồn nôn, nôn. Hiện bị cáo đang nằm điều trị tại Bệnh xá Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Để đảm bảo sức khỏe cho bị cáo an tâm điều trị bệnh. Vậy Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai thông báo cho Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng biết về tình trạng sức khỏe của can phạm Trương Thị Mỹ D chưa thể tham gia phiên tòa phúc thẩm vào ngày 25 tháng 01 năm 2021 được vì lý do sức khỏe”. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai. Mặt khác, bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, do đó việc vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử và không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 351, Điều 352 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H, Nguyễn Văn L, Lê Thị Mỹ H thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong đơn kháng cáo, bị cáo Trương Thị Mỹ D kháng cáo xin giảm hình phạt.

[3]. Lời khai nhận tội của các bị cáo Trương Thị Mỹ D, Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H, Nguyễn Văn L, Lê Thị Mỹ H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người

phạm tội quả tang 31/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vì mục đích kiếm tiền tiêu xài qua hoạt động buôn bán thuốc lá điều sản xuất ở nước ngoài, Trương Thị Mỹ D đã mua của đối tượng H1 (quốc tịch Campuchia, chưa xác minh được nhân thân, lai lịch) đưa thuốc lá từ Campuchia đến địa bàn huyện Đ giao cho D. Vào ngày 31/12/2019, sau khi H1 giao thuốc lá tại địa điểm xã Ia Nan, huyện Đ thì D đã chỉ đạo Lê Diệp Phú T1 và Võ Linh V nhận 15.420 bao thuốc lá từ Nguyễn Văn L vận chuyển về kho công ty TNHH MTV Bảo H, trên đường đi thì bán cho Lê Thị Mỹ H 6.000 bao thuốc lá. Cùng thời điểm này D còn chỉ đạo Trương Văn T và Lê Thế H nhận 21.000 bao thuốc lá từ L chở về kho công ty TNHH MTV Bảo H, khi đến kho thì bị bắt giữ. Cơ quan CSĐT đã khám xét và thu giữ tại kho của công ty TNHH MTV Bảo H 21.000 bao thuốc lá và tại nhà của Trương Thị Mỹ D là 19.630 bao thuốc lá. Tổng số thuốc lá điều mà Cơ quan CSĐT đã thu giữ là 77.050 bao.

Tại kết luận giám định số 18/C09C ngày 9/1/2020 của Phân viện khoa học hình sự thành phố Đà Nẵng kết luận toàn bộ số thuốc lá đã thu giữ là thuốc lá điều, được sản xuất tại nước ngoài. Ngoài ra theo kết quả xác minh tại Cục quản lý thị trường thì toàn bộ số thuốc lá này đều không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, không có tem nhập khẩu dán trên mỗi bao thuốc lá và cũng không có hồ sơ nhập khẩu theo quy định, không đảm bảo điều kiện lưu thông trên thị trường Việt Nam.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm” với tình tiết định khung “Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Đây là vụ án tuy có sự phân công nhiệm vụ từng người, nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Trương Thị Mỹ D đóng vai trò là người chủ mưu. Bị cáo mua thuốc lá điều nhập lậu, chỉ đạo các bị cáo khác sử dụng xe vận chuyển cất giấu, bán kiếm lời. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Trương Văn T, Lê Diệp Phú T1, Võ Linh V, Lê Thế H đóng vai trò là người thực hành, giúp sức. Các bị cáo làm cho D, nhận tiền công theo tháng, tiền ăn theo ngày, vận chuyển hàng 2-3 chuyến/ngày, biết rõ thuốc nhập lậu nhưng vẫn vận chuyển, giao thuốc hoặc cất giấu theo sự chỉ đạo của D. Bị cáo Lê Thị Mỹ H mua thuốc của D, cất giấu trực tiếp bán và bán cho các tạp hóa nhằm kiếm lời.

Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, như: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trương Văn T có bố mẹ là người có công cách mạng; bị cáo Lê Thế H và Võ Linh V đã tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Nguyễn Văn L đầu thú; bị cáo Trương Thị Mỹ D là phụ nữ, nuôi con nhỏ, gia đình bị cáo khó khăn phải ở nhà thuê; bị cáo Lê Thị Mỹ H, Võ

Linh V, Trương Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Thế H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt với lý do là lao động chính trong gia đình, gia đình thuộc diện khó khăn nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo: Trương Thị Mỹ D 9 năm 6 tháng tù; Nguyễn Văn L 8 năm 6 tháng tù; các bị cáo Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1 và Lê Thế H cùng mức án 8 năm 3 tháng tù; bị cáo Lê Thị Mỹ H 8 năm tù.

Trong vụ án này, bị cáo Trương Thị Mỹ D đóng vai trò là người chủ mưu, mua bán thuốc lá được sản xuất tại nước ngoài với số lượng quá lớn (77.050 bao) trong khi điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự quy định tình tiết định khung “Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên”; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của vụ án. Tuy nhiên vụ án không có kháng nghị theo hướng tăng nặng của Viện kiểm sát nên do giới hạn phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt tù đối với bị cáo Trương Thị Mỹ D nhưng kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm theo hướng xử tăng hình phạt đối với bị cáo Trương Thị Mỹ D.

Đối với bị cáo Lê Thị Mỹ H chỉ thực hiện hành vi phạm tội một lần, có vai trò thứ yếu trong vụ án, rất thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của UBND xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi ngày 15/12/2020) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo Lê Thị Mỹ H một phần hình phạt.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, mặt khác hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi, vai trò của các bị cáo nên kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của bị cáo Lê Thị Mỹ H có cơ sở, nên được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Mỹ D, Nguyễn Văn L, Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt, như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[5]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trương Thị Mỹ D, Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H, Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Mỹ D, Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H, Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Mỹ H, sửa bản án sơ thẩm.

3. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Lê Thị Mỹ H được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Mỹ D 9 (Chín) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 8 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2020.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 8 (Tám) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

Xử phạt bị cáo Võ Linh V 8 (Tám) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Diệp Phú T1 8 (Tám) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Thế H 8 (Tám) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ H 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

4. Về hình phạt bổ sung:

Phạt bị cáo Trương Thị Mỹ D phải nộp số tiền 60.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo đều bị xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm”.

5. Về án phí phúc thẩm hình sự: Các bị cáo Trương Thị Mỹ D, Trương Văn T, Võ Linh V, Lê Diệp Phú T1, Lê Thế H, Nguyễn Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Kiến nghị Chánh án Toà án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bị cáo Trương Thị Mỹ D theo hướng kháng nghị để xử tăng hình phạt đối với bị cáo Trương Thị Mỹ D.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn

Nguyễn Văn Tào

Nguyễn Cường